

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12-4-2019.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ái Hòa;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 701/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng H, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Tổ 04, đường LM, ấp PL, xã PC, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Văn C, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Ấp PL, xã PC, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ngân hàng S.

Địa chỉ trụ sở: Số 169 LĐ, phường HL, quận HM, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng giám đốc; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Nguyễn Anh D, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng S - Phòng giao dịch Ngân hàng S huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 25-11-2016); vắng mặt.

2/ Ngân hàng K Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở: Số 02 LH, quận BD, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng K Việt Nam - Chi nhánh huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 19-6-2014); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2018 của nguyên đơn - chị Lê Thị Hồng H và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị H trình bày:

Chị và anh Lê Văn C chung sống với nhau vào năm 1998, trên cơ sở tự nguyện, không đăng ký kết hôn, có tổ chức lễ tuyên bố. Chị và anh C chung sống hạnh phúc đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do bất đồng tư tưởng trong sinh hoạt đời sống hàng ngày, anh C không quan tâm đến cuộc sống của chị và cháu G, anh C và chị thường gây gổ nhau. Tháng 10 năm 2018, anh C bỏ đi thuê nhà trọ sống riêng. Khoảng 10 ngày anh C về nhà của chị và anh C 01 lần. Chị và anh C ly thân từ tháng 10 năm 2018 đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là Lê Thị Thùy G, sinh ngày 07-9-2000 đã thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản: Tài sản chung hiện có chị đang giữ gồm:

517m² đất chuyên trồng lúa nước, thửa đất số 55, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp PL, xã PC, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Do chị và anh C đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 26-6-2017.

Tài sản gắn liền với đất: 01 căn nhà mái Tole, cột cây tạp, vách tole, nền gỗ cây tạp (loại nhà sàng), diện tích (05m x 06m).

Về nợ chung: Ngày 09-6-2017, anh Lê Văn C đứng tên vay tiền, chị là người thừa kế, vay Ngân hàng K Việt Nam Chi nhánh huyện Trảng Bàng - Phòng giao dịch BT 70.000.000 đồng nợ gốc, thỏa thuận tính lãi suất trong hạn 11,4%/năm, mục đích sử dụng tiền vay: Mua 02 xe máy, xây hàng rào 100m nhưng thực tế chị và anh C sử dụng tiền vay này để trả nợ chị và anh C nhận chuyển nhượng quyền sử dụng 517m² đất chuyên trồng lúa nước.

Phương pháp trả lãi tiền vay: Theo định kỳ 12 tháng/ lần vào ngày 09.

Chị và anh C đã trả 20.000.000 đồng nợ gốc và trả tiền lãi 7.980.000 đồng, còn nợ 50.000.000 đồng nợ gốc và nợ tiền lãi từ ngày 25-6-2018 cho đến nay.

Ngày 10-02-2017, anh Lê Văn C đứng tên vay tiền, chị là người thừa kế, vay Ngân hàng S - Phòng giao dịch Ngân hàng S huyện Trảng Bàng, Tây Ninh 30.000.000 đồng nợ gốc, thỏa thuận tính lãi suất trong hạn 0,75%/tháng, mục đích sử dụng tiền vay: Mua 01 xe máy cày nhưng chị và anh C đã bán máy cày này vào

tháng 7 năm 2018 số tiền 15.000.000 đồng để chị và anh C trả nợ cho Ngân hàng K Việt Nam Chi nhánh huyện Trảng Bàng - Phòng giao dịch BT 7.980.000 đồng tiền lãi. Số tiền còn lại là 7.020.000 đồng, chị và anh C tiêu xài chung hết.

Phương pháp trả lãi tiền vay: Theo định kỳ 12 tháng/ lần vào ngày 09.

Chị và anh C đã trả tiền lãi theo thỏa thuận đến ngày 09-3-2019. Từ ngày 10-3-2019 đến nay chưa trả tiền lãi, chưa trả nợ gốc.

Về tài sản chung: Chị rút yêu cầu chia tài sản khi ly hôn.

Về nợ chung: Chị và anh C mỗi người trả $\frac{1}{2}$ nợ gốc và lãi suất của số tiền 30.000.000 đồng nợ gốc cho Ngân hàng S - Phòng giao dịch huyện Trảng Bàng và trả trả $\frac{1}{2}$ nợ gốc và lãi suất của số tiền 50.000.000 đồng nợ gốc cho Ngân hàng K Việt Nam - Chi nhánh huyện Trảng Bàng, trả dần theo hợp đồng

Trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn C trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của chị H về thời gian chung sống với chị H, không đăng ký kết hôn, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Do chị H tự nộp đơn ly hôn anh. Chị H cho rằng anh không quan tâm đến cuộc sống của chị H và cháu G, trong khi anh là lao động chính trong gia đình, luôn lo lắng làm kinh tế cho gia đình, anh không có lỗi gì với chị H. Vào năm 2012, chị H có nộp đơn ly hôn anh nhưng sau đó đã rút đơn ly hôn. Nay anh yêu cầu đoàn tụ với chị H.

Về con chung: Cháu Lê Thị Thùy G, sinh ngày 07-9-2000 đã thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị H mỗi người trả $\frac{1}{2}$ nợ gốc và lãi suất của số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng nợ gốc cho Ngân hàng S - Phòng giao dịch huyện Trảng Bàng và trả trả $\frac{1}{2}$ nợ gốc và lãi suất của số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng nợ gốc cho Ngân hàng K Việt Nam - Chi nhánh huyện Trảng Bàng, trả dần theo hợp đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 37, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 xem xét quyết định:

Về hôn nhân: không công nhận chị Lê Thị Hồng H và anh Lê Văn C là vợ chồng.

Về con chung: Cháu Lê Thị Thùy G, sinh ngày 07-9-2000 đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S - Phòng giao dịch huyện Trảng Bàng và Ngân hàng K Việt Nam - Chi nhánh huyện Trảng Bàng.

Buộc chị H và anh C có trách nhiệm mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số nợ và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng S - Phòng giao dịch huyện Trảng Bàng và Ngân hàng K Việt Nam - Chi nhánh huyện Trảng Bàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Nguyễn Anh Huy và ông Nguyễn Duy Trinh vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh C chung sống với nhau vào năm 1998, không đăng ký kết hôn. Anh, chị nhiều lần xảy ra mâu thuẫn và tự ly thân từ tháng 10 năm 2018 đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh C yêu cầu đoàn tụ. Theo đơn xin xác nhận ngày 20-9-2018 tại Ủy ban nhân dân xã Phước Chỉ và đơn xin xác nhận ngày 02-10-2018 tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Giang của chị H thể hiện chị H và anh C không đăng ký kết hôn. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh C.

[3] Về con chung: Cháu Lê Thị Thùy G, sinh ngày 07-9-2000 đã thành niên và có khả năng lao động.

[4] Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết

Về nợ chung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S - Phòng giao dịch huyện Trảng Bàng và Ngân hàng K Việt Nam - Chi nhánh huyện Trảng Bàng.

Buộc chị H và anh C có nghĩa vụ trả nợ cho:

- Ngân hàng S tỉnh Tây Ninh - Phòng giao dịch huyện Trảng Bàng số tiền 30.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi từ ngày 10-3-2019 đến ngày 12-4-2019 là 33 ngày.

$30.000.000 \text{ đồng} \times 9\% / \text{năm} : 365 \text{ ngày} \times 33 \text{ ngày} = 244.110 \text{ đồng}.$

- Ngân hàng K Việt Nam - Chi nhánh huyện Trảng Bàng số tiền 50.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi từ ngày 25-6-2018 đến ngày 12-4-2019 là 291 ngày.

$50.000.000 \text{ đồng} \times 11,4\% / \text{năm} : 365 \text{ ngày} \times 291 \text{ ngày} = 4.544.383 \text{ đồng}.$

Trách nhiệm từng người:

Chị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng S tỉnh Tây Ninh - Phòng giao dịch huyện Trảng Bàng số tiền 15.000.000 đồng nợ gốc và 122.055 đồng tiền lãi.

Anh C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng S tỉnh Tây Ninh - Phòng giao dịch huyện Trảng Bàng số tiền 15.000.000 đồng nợ gốc và 122.055 đồng tiền lãi.

Chị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng K Việt Nam - Chi nhánh huyện Trảng Bàng số tiền 25.000.000 đồng nợ gốc và 2.272.192 đồng tiền lãi.

Anh C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng K Việt Nam - Chi nhánh huyện Trảng Bàng số tiền 25.000.000 đồng nợ gốc và 2.272.191 đồng tiền lãi.

[5] Xét yêu cầu của chị H và anh C trả nợ dần theo hợp đồng không có cơ sở chấp nhận.

[6] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng. Chị H và anh C mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc trả nợ là 2.119.712 đồng theo quy định tại điểm a, điểm e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 37, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; điểm a, điểm e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Hồng H và anh Lê Văn C.

2. Về con chung: Cháu Lê Thị Thùy G, sinh ngày 07-9-2000 đã thành niên và có khả năng lao động.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết

Về nợ chung:

Chị H và anh C có nghĩa vụ trả nợ cho:

Ngân hàng S tỉnh Tây Ninh - Phòng giao dịch huyện Trảng Bàng số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng nợ gốc và 244.110 (hai trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm mười triệu) đồng tiền lãi.

Ngân hàng K Việt Nam - Chi nhánh huyện Trảng Bàng số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng nợ gốc và 4.544.383 (bốn triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi ba) đồng tiền lãi.

Trách nhiệm từng người:

Chị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng S tỉnh Tây Ninh – Phòng giao dịch huyện Trảng Bàng số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng nợ gốc và 122.055 (một trăm hai mươi hai nghìn không trăm năm mươi lăm) đồng tiền lãi, tổng cộng là 15.122.055 (mười lăm triệu một trăm hai mươi hai nghìn không trăm năm mươi lăm) đồng.

Anh C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng S tỉnh Tây Ninh – Phòng giao dịch huyện Trảng Bàng số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng nợ gốc và 122.055 đồng tiền lãi, tổng cộng là 15.122.055 (mười lăm triệu một trăm hai mươi hai nghìn không trăm năm mươi lăm) đồng.

Chị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng K Việt Nam - Chi nhánh huyện Trảng Bàng số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng nợ gốc và 2.272.192 (hai triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai) đồng tiền lãi, tổng cộng là 27.272.192 (hai mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai) đồng.

Anh C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng K Việt Nam - Chi nhánh huyện Trảng Bàng số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng nợ gốc và 2.272.191 (hai triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn một trăm chín mươi một) đồng tiền lãi, tổng cộng là 27.272.191 (hai mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn một trăm chín mươi một) đồng.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Chị Lê Hồng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc trả nợ là 2.119.712 (hai triệu một trăm mười chín nghìn bảy trăm mười hai) đồng, tổng cộng là 2.419.712 (hai triệu bốn trăm mười chín nghìn bảy trăm mười hai) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016672 ngày 27-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị Lê Thị Hồng H còn phải nộp 2.119.712 (hai triệu một trăm mười chín nghìn bảy trăm mười hai) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc trả nợ là 2.119.712 (hai triệu một trăm mười chín nghìn bảy trăm mười hai) đồng.

Ngân hàng K Việt Nam - Chi nhánh huyện Trảng Bàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng K Việt Nam - Chi nhánh huyện Trảng Bàng số tiền 1.337.000 (một triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016785 ngày 30-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng.

6. Kể từ ngày 13-4-2019, chị Lê Thị Hồng H và anh Lê Văn C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ này (trường hợp trong hợp đồng tòn dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay).

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Ngện